

Bản án số:112/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 22 -6-2022
V/v “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GC, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị An Thư.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Văn Riều; Bà Trần Thị Kim Duyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã GC.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã GC tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Trinh, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2022, tại Tòa án nhân dân thị xã GC, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 48/2022/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 3 năm 2022, về “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10 tháng 5 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 62/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 25 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Minh T, sinh năm 1986; (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp HQ, xã TC, huyện CD, tỉnh Long An.

- Bị đơn: chị Võ Thị K, sinh năm 1993; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp N, xã BX, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn anh Phạm Minh T trình bày: anh và chị Võ Thị K quen biết nhau, tự nguyện tiến đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TC, huyện CD, tỉnh Long An vào năm 2017. Vợ chồng sống hạnh phúc được 10 năm, sau đó phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không còn tin tưởng lẫn nhau, vợ chồng anh xảy ra cự cãi, vợ anh bỏ đi, vài tháng nay có gặp lại vợ, nhưng anh xét thấy không còn khả năng hàn gắn tình cảm vợ chồng, nên anh yêu cầu xin ly hôn với chị Võ Thị K.

Về con chung: vợ chồng có ba con chung tên Phạm Kim NG, sinh ngày 12/11/2011, Phạm Minh T, sinh ngày 25/11/2015, Phạm Minh T1, sinh ngày 24/8/2017, hiện nay các con đang chung sống với anh T, và anh T có thu nhập buôn bán xuống, có đủ điều kiện nuôi con. Khi ly hôn anh xin tiếp tục nuôi các con, không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con.

Về T sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có.

Chị Võ Thị K đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án về việc xin ly hôn của anh T nhưng chị không có mặt để nhận trực tiếp, do mẹ chị K bà Trần Thị Trắng nhận thay con, chị K biết việc anh T xin ly hôn, yêu cầu nuôi ba con, và không yêu cầu Tòa án giải quyết về T sản chung, nhưng chị K không đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với các yêu cầu trên.

Tại phiên tòa:

- Anh Phạm Minh T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Chị Võ Thị K đã được Tòa án, tổng đạt văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ lần thứ hai, để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do, cũng không thể hiện ý kiến về việc xin ly hôn anh T trong suốt quá trình tố tụng.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền theo quy định đối với những người tiến hành tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị chấp nhận yêu cầu của anh T được ly hôn với chị K; Về con chung căn cứ điều Điều 81, 82, 83, Luật hôn nhân và gia đình giao ba con cho anh T tiếp tục nuôi là phù hợp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các T liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: anh Phạm Minh T khởi kiện xin ly hôn chị Võ Thị K có nơi cư trú ấp 5, xã BX, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang, nên Tòa án nhân dân thị xã GC thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. chị Võ Thị K đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham dự phiên tòa, nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng, anh T có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án: Hội đồng xét xử xét thấy, anh Phạm Minh T và chị Võ Thị K tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, nên quan hệ hôn nhân giữa hai người được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Giữa Anh T và chị K, theo lời trình bày của anh T mặc dù vợ chồng chị đã sống hạnh phúc 10 năm. Sau đó xảy ra bất đồng quan điểm, vợ chồng không còn tin tưởng nhau, thường xuyên cự cãi, do anh T cho rằng vợ có tình cảm với người đàn ông khác, nên tình cảm vợ chồng rạn nứt, vợ anh bỏ đi. Sau vài tháng nay anh T có gặp lại chị K, nhưng tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn. Chị K biết được anh T xin ly hôn chị, nhưng chị không có biện pháp trao đổi, hàn gắn với anh T, và cũng không đến tòa để thể hiện ý kiến về việc xin ly hôn và mong muốn Tòa hòa giải để vợ chồng chị trở lại đoàn tụ. Điều này chứng minh rằng chị không còn muốn níu kéo cuộc hôn nhân này và không còn tha thiết cùng chung sống với anh T, tình cảm vợ chồng đã phai nhạt, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần cho anh T được ly hôn chị K là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.1] Về con chung: Vợ chồng anh chị có ba con, anh T yêu cầu được tiếp tục nuôi ba con, không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con. Xét điều kiện nuôi con của anh T và chị K thấy cả hai điều có điều kiện nuôi con, nhưng trong suốt quá trình anh T xin ly hôn thể hiện mong muốn nuôi ba con, còn chị K không có ý kiến phản hồi việc tranh chấp nuôi con với anh T, bên cạnh đó cả ba con chung của anh T và chị K, từ trước đến nay vẫn do anh T chăm sóc, các cháu có cuộc sống ổn định chỗ ở và học hành và cũng đáp ứng nguyện vọng của 03 cháu mong muốn anh T tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng, nên giao con cho anh T tiếp tục trực tiếp nuôi là phù hợp với Điều 81, 82, 83, Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về T sản chung: anh T xác định có T sản chung nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị K không phản hồi ý kiến tranh chấp chia T sản chung với anh T trong vụ án này. Nếu sau này chị K có yêu cầu chia T sản chung thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác, nên hội đồng xét xử không xem xét.

2.3] Về nợ chung: Anh T xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung trong thời kỳ hôn nhân thì anh T và chị K vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, anh Phạm Minh T phải chịu án phí theo quy định.

[4] Các đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã GC về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật và phù hợp với những nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 và Điều 57, Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH.14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Minh T.

- Về hôn nhân: Anh Phạm Minh T được ly hôn với chị Võ Thị K.

- Về con chung: Giao Anh Phạm Minh T được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi ba con Phạm Kim NG, sinh ngày 12/11/2011, Phạm Minh T, sinh ngày 25/11/2015, Phạm Minh T1, sinh ngày 24/8/2017, anh T không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi ba con.

-Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Khi án có hiệu lực pháp luật nếu xét thấy cần thiết, anh T và chị K có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng.

Về án phí sơ thẩm: anh Phạm Minh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai số 0006692 ngày 11 tháng 3 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã GC. Như vậy, anh T đã nộp xong án phí.

Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân thị xã GC;
- Chi cục thi hành án dân sự thị xã GC;
- UBND xã TC, huyện CD, Long An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ. án văn.09.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị An Thư